

Số: /2023/QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2023-2024)

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 140/TTr-STC ngày 30/3/2023 và thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 66/BC-STP ngày 23/3/2023.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2023-2024) như sau:

1. Đối tượng nộp: các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

2. Đơn vị thực hiện thu: Ban Quản lý Cấp và Thoát nước huyện Tây Sơn.

3. Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2023-2024) (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) cụ thể như Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

a) Việc xác định “Hộ bán hàng có ít chất thải”, “Hộ bán hàng có chất thải bình thường”, “Hộ bán hàng có nhiều chất thải” theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này do các đơn vị tổ chức thu gom rác thải xác định cụ thể cho phù hợp với từng địa bàn, khu vực, ngành hàng kinh doanh đảm bảo công bằng, hợp lý.

b) Việc thu giá dịch vụ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này được thực hiện theo hình thức “đồng/đơn vị/tháng”, “đồng/m<sup>3</sup>” là do đơn vị thu thỏa thuận, thống nhất với đối tượng được cung cấp dịch vụ thông qua hợp đồng để thực hiện cho phù hợp.

4. Phương thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt:

a) Căn cứ tình hình điều kiện thực tế, Ban Quản lý Cấp và Thoát nước huyện Tây Sơn áp dụng mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt cụ thể cho phù hợp nhưng không vượt quá mức giá tối đa quy định nêu trên.

b) Khoản tiền thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tây Sơn được xác định là doanh thu từ hoạt động dịch vụ công ích của đơn vị thu. Đơn vị thu có trách nhiệm kê khai và nộp thuế theo quy định pháp luật đối với số tiền thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu được sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023 và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 84/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Đơn vị thu, đối tượng nộp khi áp dụng mức thu và nộp giá dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải theo quy định tại quyết định này thì không thực hiện

theo quy định tại Quyết định số 84/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan;
- LĐVP+CV;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, P.KSTTHC, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

## PHỤ LỤC

### ĐƠN GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH LỘ TRÌNH 02 NĂM (2023-2024)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Nội dung thu	ĐVT	Đơn giá tối đa (đã bao gồm thuế GTGT)	
			Năm 2023	Năm 2024
<b>I</b>	<b>Đối với hộ gia đình, cá nhân</b>			
<b>1</b>	<b>Khu vực thị trấn</b>			
a	Hộ có nhà ở mặt tiền đường phố			
-	<i>Đường được thảm nhựa, thâm nhập nhựa hoặc bê tông xi măng</i>	đồng/hộ/tháng	21.000	24.000
-	<i>Đường chưa được thảm nhựa, thâm nhập nhựa hoặc chưa được bê tông xi măng và các đường nội bộ ở các khu quy hoạch dân cư</i>	đồng/hộ/tháng	18.000	20.000
b	Hộ có nhà ở trong ngõ, hẻm; hộ ở các khu nhà tập thể, chung cư cao tầng và khu vực khác	đồng/hộ/tháng	14.000	16.000
<b>2</b>	<b>Các khu vực còn lại (không kể điểm 1 Mục I)</b>			
a	Hộ có nhà ở mặt tiền đường phố, mặt đường quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ	đồng/hộ/tháng	18.000	20.000
b	Hộ có nhà ở khu vực khác	đồng/hộ/tháng	11.000	12.000
<b>II</b>	<b>Đối với các hộ kinh doanh buôn bán nhỏ</b>			
<b>1</b>	<b>Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ tại nhà</b>			
a	Có kinh doanh ăn uống			
-	<i>Hộ bán hàng có ít chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	38.000	44.000
-	<i>Hộ bán hàng có chất thải bình thường</i>	đồng/hộ/tháng	54.000	62.000
-	<i>Hộ bán hàng có nhiều chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	69.000	79.000
b	Các loại kinh doanh khác			
-	<i>Hộ bán hàng có ít chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	30.000	35.000
-	<i>Hộ bán hàng có chất thải bình thường</i>	đồng/hộ/tháng	38.000	44.000
-	<i>Hộ bán hàng có nhiều chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	54.000	62.000
<b>2</b>	<b>Hộ kinh doanh ở chợ (Áp dụng đối với hộ kinh doanh buôn bán cố định)</b>			
a	Mức thu ban quản lý, đơn vị quản lý chợ thu các hộ đối với chợ tại thị trấn và tại các xã			
-	<i>Hộ bán hàng có nhiều chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	38.000	44.000
-	<i>Hộ bán hàng có chất thải bình thường</i>	đồng/hộ/tháng	30.000	35.000
-	<i>Hộ bán hàng có ít chất thải</i>	đồng/hộ/tháng	22.000	25.000
b	Mức thu đơn vị thu gom rác thải thu đối với ban quản lý, đơn vị quản lý chợ	đồng/m <sup>3</sup>	77.000	88.000
<b>3</b>	<b>Hộ kinh doanh cho thuê nhà trọ</b>			
-	<i>Quy mô cho thuê từ 01 - 05 phòng</i>	đồng/hộ/tháng	68.000	78.000
-	<i>Quy mô cho thuê từ 06 - 10 phòng</i>	đồng/hộ/tháng	80.000	92.000
-	<i>Quy mô cho thuê trên 10 phòng</i>	đồng/hộ/tháng	136.000	156.000
<b>III</b>	<b>Trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp</b>	đồng/đơn vị/tháng	118.000	136.000
	Riêng đối với các cơ sở dịch vụ như: căng tin, ký túc xá... trong các cơ quan, đơn vị, trường học	đồng/m <sup>3</sup>	136.000	156.000

STT	Nội dung thu	ĐVT	Đơn giá tối đa (đã bao gồm thuế GTGT)	
			Năm 2023	Năm 2024
IV	Đối với các cửa hàng, khách sạn, nhà hàng kinh doanh hàng ăn uống	đồng/m <sup>3</sup>	168.000	193.000
		đồng /đơn vị/tháng	253.000	291.000
V	Đối với các nhà máy, bệnh viện, cơ sở sản xuất, nhà ga, bến tàu, bến xe	đồng/m <sup>3</sup>	168.000	193.000
VI	Đối với các công trình xây dựng	đồng/m <sup>3</sup>	168.000	193.000